

Số : 08 /2008/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 22 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Một số cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và đầu tư sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp tỉnh Nam Định”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định 108/NĐ-CP, ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP, ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Xét đề nghị của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh tại tờ trình số 19/TTr-BQLKCN, ngày 20/3/2008 và đề nghị của Sở Tài chính tại tờ trình số 466/STC-NS về việc ban hành một số cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và đầu tư sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp tỉnh Nam Định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này bản “Một số cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và đầu tư sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp tỉnh Nam Định”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký;

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch-Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Cục thuế tỉnh, UBND các huyện, thành phố Nam Định, các cơ quan có liên quan và các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong các khu công nghiệp của tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch và các Đ/c PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Công báo tỉnh. Website tỉnh;
- Lưu: VP1, VP5.

Trần Minh Oanh

[illegible][illegible]

**MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, KINH DOANH HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐẦU TƯ
SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH NAM ĐỊNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **08/2008/QĐ-UBND** ngày **22** tháng **5** năm 2008
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết một số cơ chế chính sách khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp và các nhà đầu tư sản xuất kinh doanh (nhà đầu tư thứ cấp) trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định; trừ các nhà đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Hoà Xá, Mỹ Trung và các nhà đầu tư thứ cấp trong khu công nghiệp Hoà Xá (đã có cơ chế riêng).

2. Đối tượng áp dụng

Bao gồm các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam được quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005.

Điều 2. Điều kiện được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp:

- Khu công nghiệp nằm trong danh mục quy hoạch tổng thể phát triển các khu công nghiệp của tỉnh Nam Định đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 hoặc khu công nghiệp được Thủ tướng Chính phủ đồng ý về chủ trương.

- Nhà đầu tư có đủ điều kiện đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được quy định tại Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản; Có dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư, có báo cáo đánh giá tác động môi trường được thẩm định, phê duyệt.

2. Đầu tư xây dựng các dự án sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp của tỉnh, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư.

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 3. Về mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật

1. Về mặt bằng xây dựng hạ tầng khu công nghiệp

a) Căn cứ danh mục phát triển các khu công nghiệp của tỉnh nằm trong quy hoạch tổng thể phát triển các khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc được Thủ tướng Chính phủ đồng ý về chủ trương, nhà đầu tư có hồ sơ pháp lý và văn bản trình UBND tỉnh đề nghị được làm chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp. UBND tỉnh có văn bản giao Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư để lựa chọn nhà đầu tư, trình UBND tỉnh trong 5 ngày làm việc.

b) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày Ban Quản lý các khu công nghiệp trình, UBND tỉnh quyết định chọn nhà đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp. Trường hợp nhà đầu tư không đủ các điều kiện đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, UBND tỉnh sẽ thông báo cho Ban Quản lý các khu công nghiệp để trả lời bằng văn bản tới nhà đầu tư.

c) Nhà đầu tư được UBND tỉnh lựa chọn làm chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được Ban Quản lý các khu công nghiệp bàn giao quy hoạch chi tiết (đối với khu công nghiệp đã có quy hoạch chi tiết); được tỉnh thông báo địa điểm để khảo sát, lập quy hoạch chi tiết (đối với các khu công nghiệp chưa lập quy hoạch chi tiết). Nhà đầu tư chịu trách nhiệm lập, thẩm định, trình duyệt quy hoạch chi tiết và chi trả chi phí liên quan đến công việc này.

d) Theo quy hoạch chi tiết được duyệt, UBND tỉnh chỉ đạo UBND huyện, thành phố nơi xây dựng KCN; chủ trì phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp, các sở, ngành liên quan và chủ đầu tư khảo sát, lập phương án, tổ chức bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo quy định để thực hiện dự án. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm chi trả các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và xây dựng khu tái định cư (nếu có) theo phương án và dự toán được phê duyệt. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm khảo sát, lập dự án đầu tư trình thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình thẩm định, phê duyệt theo Luật Bảo vệ môi trường; trình hồ sơ để cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của Luật đầu tư, lập hồ sơ thành lập khu công nghiệp theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

e) Hỗ trợ san lấp mặt bằng và xây dựng trạm xử lý nước thải khu công nghiệp:

Ngân sách tỉnh hỗ trợ 5.000đ/m² tiền san lấp mặt bằng khu công nghiệp trong thời gian 5 năm kể từ khi khu công nghiệp bắt đầu cho thuê lại đất; hỗ trợ 20% số tiền đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải trong thời gian 3 năm từ khi nhà máy xử lý nước thải đi vào hoạt động. Tổng kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ cho 2 khoản trên không quá 15 tỷ (mười lăm tỷ đồng) cho một khu công nghiệp.

2. Tình đầu tư xây dựng đường giao thông và chỉ đạo các ngành Điện lực, Thông tin – Truyền thông, xây dựng đường dây tải điện, đường truyền dẫn thông tin liên lạc tới chân hàng rào khu công nghiệp. Những khu công nghiệp mà ở đó đã có nhà máy nước đủ công suất sẽ được cung cấp nước đến chân hàng rào khu công nghiệp. Trường hợp đường giao thông đến chân hàng rào khu công nghiệp thuộc trách nhiệm đầu tư của tỉnh mà tỉnh chưa đầu tư kịp; Nếu nhà đầu tư chủ động đề nghị đầu tư trước đường giao thông đến chân hàng rào khu công nghiệp để đảm bảo tiến độ dự án mà được UBND tỉnh cho phép, thì tỉnh có trách nhiệm hoàn trả vốn đã đầu tư cho nhà đầu tư theo quyết định đầu tư, dự toán, quyết toán được UBND tỉnh phê duyệt.

3. Hệ thống hạ tầng trong khu công nghiệp phải được xây dựng theo quy hoạch được duyệt; trong quá trình xây dựng, vận hành phải tuân thủ pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và các quy định khác có liên quan.

Điều 4. Về đất đai

1. Nhà đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được lựa chọn hình thức thuê đất hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất thời gian 50 năm. Trường hợp đặc biệt tối đa không quá 70 năm (theo khoản 3 Điều 67, Luật đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003).

2. Đơn giá thuê đất đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được áp dụng đơn giá thuê đất thấp nhất bằng 0,5 lần đơn giá thuê đất theo quy định, thời gian ổn định đơn giá thuê đất là 5 năm (theo quy định tại Điều 4 và Điều 8 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về việc thu tiền thuê đất, thuê mặt nước).

3. Không phải trả tiền thuê đất cho phân diện tích mặt bằng xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong khu công nghiệp theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền duyệt (theo khoản 3 Điều 3 của Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005).

4. Không phải trả tiền thuê đất cho phân diện tích mặt bằng xây dựng; nhà ở cho công nhân và các công trình phúc lợi cho công nhân trong KCN theo quy hoạch được duyệt.

5. Trường hợp nhà đầu tư được UBND tỉnh giao đất hoặc cho thuê đất đã ứng trước tiền để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ về đất để giải phóng mặt bằng thì được trừ số tiền đã bồi thường, hỗ trợ về đất vào tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp cho nhà nước; mức được trừ không vượt quá số tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp (theo khoản 1 Điều 4 Nghị định 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006).

6. Nhà đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng theo giấy chứng nhận đầu tư được cơ quan có thẩm quyền cấp. Đối với KCN tại các huyện: Nam Trực, Trực Ninh, Vụ Bản, Ý Yên, Mỹ Lộc và thành phố Nam Định được miễn 7 năm tiền thuê đất, kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động; đối với KCN ở 4 huyện thuộc địa bàn khó khăn: Hải Hậu, Nghĩa Hưng, Xuân Trường, Giao Thủy được miễn 11

năm tiền thuê đất, kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động (theo điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 và Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006).

7. Nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được cho các nhà đầu tư thứ cấp thuê lại đất đã có cơ sở hạ tầng để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh; được thu tiền sử dụng hạ tầng theo qui định trên cơ sở hợp đồng ký kết với nhà đầu tư thứ cấp (theo khoản 1 Điều 3 Luật Đất đai)

8. Nhà đầu tư thứ cấp thuê lại đất của nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo khoản 4 Điều 84 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004); có nghĩa vụ trả tiền thuê lại đất và tiền sử dụng hạ tầng theo hợp đồng ký kết.

Điều 5. Ưu đãi về tài chính, thuế

1. Nhà đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (Theo khoản 3, Điều 34 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp). Được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (theo khoản 5, Điều 35, Nghị định số 24/2007/NĐ-CP). Sau thời hạn áp dụng mức thuế suất ưu đãi này, nhà đầu tư phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm có hiệu lực.

2. Nhà đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và các nhà đầu tư thứ cấp được UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp và các ngành có liên quan tạo điều kiện thuận lợi quảng bá, xúc tiến đầu tư trong quá trình đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Nam Định:

- Được Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo thẩm quyền cho các nhà đầu tư thứ cấp tại khu công nghiệp trong vòng 7 ngày làm việc kể từ khi nhà đầu tư thứ cấp và nhà đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp hoàn chỉnh đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 44 và Điều 45 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006.

- Được giảm 50% chi phí quảng cáo trên Báo Nam Định và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Nam Định trong thời gian 2 năm nhưng không quá 50 lần trên mỗi loại phương tiện thông tin, tính từ lần quảng cáo đầu tiên. Diện tích quảng cáo trên mặt báo không quá 1/4 trang, thời lượng một lần quảng cáo trên Đài Phát thanh - Truyền hình không quá 2 phút.

3. Nhà đầu tư thứ cấp thuê lại đất trong khu công nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; Sau khi hết thời gian được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật định được ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp vào ngân sách trong 05 năm; được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (theo Điều 25 Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006).

Điều 6. Về lao động

Nhà đầu tư thứ cấp được tạo điều kiện hợp đồng đào tạo công nhân có tay nghề với các đơn vị đào tạo trong tỉnh; được ưu tiên tuyển chọn lao động đã qua đào tạo tại địa phương.

Trường hợp nhà đầu tư thứ cấp cử lao động đi đào tạo, hoặc tổ chức đào tạo nghề cho công nhân là người lao động có hộ khẩu tại tỉnh Nam Định, làm việc tại doanh nghiệp, được ngân sách tỉnh hỗ trợ 1 lần, với mức 1.000.000 đồng/1 lao động có chứng chỉ nghề do các đơn vị đào tạo cấp, có hợp đồng đào tạo với đơn vị đào tạo, có hợp đồng lao động từ hai năm trở lên; có đóng BHXH, BHYT theo luật định.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Vận động đầu tư

1. UBND tỉnh tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, khuyến khích các nhà đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

2. Các cá nhân, cơ quan đơn vị có thành tích xuất sắc trong hoạt động thu hút đầu tư sẽ được UBND tỉnh khen thưởng.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp là đầu mối phối hợp có trách nhiệm hướng dẫn thủ tục, giúp đỡ các nhà đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp chuẩn bị hồ sơ trình duyệt theo quy định; tiếp nhận hồ sơ của các dự án thứ cấp, thẩm tra, cấp chứng nhận đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Luật Đầu tư.

2. Các Sở, ban ngành liên quan, UBND các cấp nơi có khu công nghiệp có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư đến đầu tư tại các khu công nghiệp của tỉnh.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước khi thanh tra kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các nhà đầu tư phải thực hiện theo chương trình, kế hoạch (trừ trường hợp nhà đầu tư có dấu hiệu vi phạm pháp luật). Các tổ chức, cá nhân gây phiền hà, nhũng nhiễu hoặc gây tổn thất cho nhà đầu tư bị xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 9. Trình tự, thủ tục giải quyết hỗ trợ tài chính

Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp, các Sở, ban ngành có liên quan thẩm định trình UBND tỉnh quyết định hỗ trợ cho nhà đầu tư. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí san lấp mặt bằng, kinh phí đầu tư trạm xử lý nước thải, hỗ trợ đào tạo, phí quảng cáo...
- Bản sao báo cáo quyết toán kinh phí san lấp mặt bằng.
- Bản sao báo cáo quyết toán trạm xử lý nước thải.

- Bản sao hợp đồng lao động, hợp đồng đào tạo, sổ đóng BHXH và chứng chỉ nghề của người lao động.

- Hợp đồng kinh tế cho thuê lại đất trong khu công nghiệp cho nhà đầu tư thứ cấp để sản xuất kinh doanh.

- Xác nhận của Ban Quản lý các KCN về kết quả san lấp mặt bằng và kết quả đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải theo Giấy chứng nhận đầu tư.

- Xác nhận của cơ quan thuế về số thuế phải nộp và đã nộp.

Điều 10. Quyền lợi, trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Ngoài các quyền của nhà đầu tư được quy định tại các Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 và Điều 20 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, các nhà đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, các doanh nghiệp khu công nghiệp được hưởng các ưu đãi theo cơ chế này và pháp luật của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Các nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình được quy định tại Điều 21 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và chấp hành nghiêm chỉnh các cơ chế chính sách hiện hành của nhà nước và của tỉnh Nam Định. Nếu vi phạm, tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt hoặc thu hồi chứng nhận đầu tư. *ll*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Minh Oanh